TỦ SÁCH KHUYẾN NÔNG

VIỆN CHĂN NUÔI QUỐC GIA

KỸ THUẬT
CHĂN NUÔI DÊ SỮA - DÊ THỊT

LĐ XH
NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

PGS, TS. Đinh Văn Bình

KỸ THUẬT CHĂN NUÔI DÊ SỮA-THỊT

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

CHƯƠNG I - MỞ ĐẦU

VAI TRÒ VÀ Ý NGHĨA KINH TẾ CỦA NGÀNH CHĂN NUÔI DÊ

I- Vai trò, ý nghĩa kinh tế và tình hình chăn nuôi dê ở Việt Nam và trên thế giới

1.1. Tình hình chăn nuôi dê trên thế giới

Theo số liệu thống kê của FAO - năm 2004, số lượng dê trong một số năm gần đây như sau:

Bảng 1 Số lượng dê trên thế giới và các khu vực từ năm 2001 – 2003 *(đơn vị tính: con)*

Năm / Khu vực	2001	2002	2003
Toàn thế giới	737.175.842	750.39.679	764.510.558
Các nước phát triển	30.998.608	31.490.117	31.649.683
Các nước đang phát triển	706.177.234	718.849.562	732.860.875
Châu Á	464.344.462	474.179.766	487.588.456
Châu Âu	18.199.686	18.179.413	18.425.226
Châu Phi	217.614.386	219.399.142	219.736.486
Châu Mỹ La tinh và Caribe	34.804.839	36.496.508	36.713.150

Số liệu trên cho thấy, số lượng dê của thế giới tăng dần qua các năm và trong năm 2003 đạt 764.510.558 con. Trong đó đàn dê tập trung chủ yếu ở các nước đang phát triển với số lượng 732.860.875 con (chiếm 95,86%) và được nuôi nhiều ở châu Á, có tới 478.588.456 con (chiếm 63,78% tổng đàn dê của thế giới). Tiếp theo là châu Phi có 219.736.486 con (chiếm 28,74% tổng đàn). Châu Mỹ và Caribe có số lượng dê đứng thứ 3 (36.713.150 con - chiếm 4,8% tổng đàn dê thế giới).

Kết quả trên đã cho thấy, chăn nuôi dê tập trung chủ yếu ở các nước đang phát triển và chăn nuôi chủ yếu ở khu vực gia đình với qui mô nhỏ, tập trung ở những vùng khô cằn, nông dân nghèo.

Ở những nước phát triển, chăn nuôi dê có quy mô đàn lớn hơn và chăn nuôi theo phương thức thâm canh với mục đích lấy sữa và làm pho mát, song lại đạt hiệu quả kinh tế cao.

Ở châu Á, nước nuôi nhiều dê nhất là Trung Quốc (172.957.208 con), sau đó là Ấn Độ (124.500.000 con); Pakistan (52.800.000 con); Việt Nam có 780.331 con.(Số liệu năm 2003 của FAO).

Về sản lượng thịt và sữa dê, số liệu thống kê của FAO - năm 2004 như sau:

Bảng 2. Sản lượng thịt, sữa dê trên thế giới và các khu vực từ năm 2001 – 2003 *(đơn vị tính: tấn)*

Năm / Khu vực	2001		2002		2003	
	Thịt	Sữa	Thịt	Sữa	Thịt	Sữa
Toàn thế giới	3.895.618	11.679.970	4.047.507	11.755.792	4.091.190	11.816.315
Các nước PT *	182.167	2.584.798	186.904	2.517.059	187.834	2.538.373
Các nước ĐPT**	3.713.450	9.095.172	3.860.603	9.238.733	3.903.357	9.277.942
Châu á	2.820.321	6.176.772	2.963.962	6.262.971	3.003.742	6.291.364
Châu Âu	119.961	2.470.006	122.009	2.394.988	122.281	2.421.473
Châu Phi	809.528	2.686.129	811.312	2.742.975	813.653	2.744.583
Châu Mỹ La tinh và Canbe	132.402	347.033	136.704	354.828	137.554	358.865

* Các nước P T = các nước phát triển; **Các nước ĐPT = các nước đang phát triển

Thông báo của FAO-2004 cho biết, trong năm 2003, sản lượng thịt các loại của toàn thế giới đạt 249.851.017 tấn. Trong đó, sản lượng thịt dê đạt 4.091.190 tấn (chiếm 1,64% tổng sản lượng). Khu vực các nước đang phát triển là nơi sản xuất nhiều thịt dê nhất (3.903.357 tấn - chiếm 95,4% tổng sản lượng), trong đó tập trung chủ yếu ở các nước châu Á (3.003.742 tấn - chiếm 73,42% tổng sản lượng). Nước cung cấp nhiều thịt dê nhất là Trung Quốc (1.518.081 tấn), sau đó là Ấn Độ (473.000 tấn), Pakistan (373.000 tấn). Việt Nam đóng góp 6.000 tấn thịt dê trong năm 2003.

Cũng theo số liệu của FAO - 2004, đối với sản lượng sữa các loại trong năm 2003, toàn thế giới đạt 600.978.420 tấn, trong đó sữa dê là 11.816.315 tấn (chiếm 1,97%). Cũng như thịt dê, sữa dê chủ yếu do các nước đang phát triển sản xuất (9.277.942 tấn - chiếm 78,52% tổng sản lượng). Các nước châu Á cung cấp phần lớn lượng sữa này (6.291.364 tấn - chiếm 53,24% tổng sản lượng). Trong đó đứng đầu là Ấn Độ (2.610.000 tấn), sau đó là Bangladesh (1.312.000 tấn); Pakistan (640.000 tấn); Trung Quốc (242.000 tấn). Sản lượng sữa dê của Việt Nam không đáng kể.

Ngoài ra, chăn nuôi dê cũng đã cung cấp một khối lượng khá lớn sản phẩm về lông da, sản lượng trong các năm 2001, 2002 và 2003 tương ứng là 864.055 tấn; 894.934 tấn và 898.960 tấn.

Về số lượng các giống dê, theo Acharya R. M, 1992 cho biết, trên thế giới có 150 giống dê đã được miêu tả cụ thể, phần còn lại chưa được biết đến và phân bố ở khắp các châu lục. Trong đó có 63% giống dê hướng sữa, 27% giống dê hướng thịt và 5% là dê kiêm dụng lấy lông làm len. Các nước châu á có số giống dê nhiều nhất, chiếm 42% số giống dê thế giới. Nước có nhiều giống nhất là Pakistan: 25 giống, Trung Quốc: 25 giống và Ấn Độ: 20 giống.

Ấn Độ là nước có ngành chăn nuôi dê rất phát triển. Công tác nghiên cứu về chăn nuôi dê được nhà nước đặc biệt quan tâm chú ý. Họ có Viện nghiên cứu chăn nuôi Dê,

Viện Sữa quốc gia, các trường đại học và một số trung tâm nghiên cứu về dê.

Ở Philippin, việc nghiên cứu và phát triển con dê cũng được chính phủ quan tâm chú ý. Một chương trình nghiên cứu và phát triển chăn nuôi dê quốc gia đã được thiết lập, hiện đã đưa ra và đang tiến hành một chương trình nghiên cứu toàn diện về con dê để đẩy mạnh ngành chăn nuôi dê trong những năm tới.

Ở Trung Quốc, từ năm 1978, Chính phủ đã bắt đầu quan tâm đến chăn nuôi dê và tốc độ phát triển ngày càng nhanh. Hiện tại Trung Quốc có 12 trại dê giống sữa, giống Ximong - Saanen là giống dê phổ biến ở đây. Trung Quốc đã sử dụng giống dê này lai với dê địa phương, con lai cho năng suất sữa tăng lên từ 80 - 100% ở thế hệ thứ nhất, 200% ở thế hệ thứ hai. Hiện có tới 95% dê sữa Trung Quốc là giống Simong - Saanen và thế hệ con lai của chúng. Trung Quốc cũng là nước đã sử dụng kỹ thuật cấy truyền hợp tử trên dê. Theo Wang Ruixing Zhong và cộng sự - 1988, Trung Quốc đã có 11 dê con ra đời từ kỹ thuật tách đôi hợp tử.

Để hội tụ các nhà khoa học cùng tham gia nghiên cứu và tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm lẫn nhau, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi dê trên toàn thế giới, Hội Chăn nuôi Dê thế giới đã được thành lập từ năm 1976 (Intenational Goat Association), và cứ 4 năm họp một lần.

Khu vực châu Á cũng thành lập tổ chức chăn nuôi gia súc nhai lại nhỏ (Small Ruminant Production System Network for asia), địa điểm tại Indonexia. mục đích góp phần đẩy mạnh trao đổi thông tin nghiên cứu và phát triển chăn nuôi dê cừu trong khu vực.

1.2. Tình hình chăn nuôi dê ở Việt Nam

Ở Việt Nam nghề chăn nuôi dê đã có từ lâu đời, nhưng theo phương thức quảng canh tự túc tự phát. Theo số liệu của Cục Nông nghiệp Bộ NN và PTNT năm 2003 tổng đàn dê của cả nước có khoảng trên 850.000 con, trong đó 72,5% phân bổ ở miền Bắc, 27,5% ở miền Nam (Tây Nguyên chiếm 12,3%, Duyên hải miền Trung chiếm 8,9%, Đông và Tây Nam Bộ chỉ chiếm khoảng 2,1-3%). Đàn dê ở vùng núi phía Bắc chiếm 48% tổng đàn dê của cả nước, và chiếm 67% tổng đàn dê của miền Bắc.

Những năm trước đây việc phát triển ngành chăn nuôi dê chưa được quan tâm chú ý. Người dân chăn nuôi dê chủ yếu là nuôi quảng canh tận dụng bãi chăn thả tự nhiên là chính, thiếu kinh nghiệm và kiến thức kỹ thuật. Phần lớn giống dê là dê Cỏ địa phương nhỏ con, năng suất thấp, chưa có hệ thống quản lý giống trong cả nước, đặc biệt nghề chăn nuôi dê với quy mô trang trại lớn chưa được hình thành.

Từ 1993 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã quyết định giao nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển chăn nuôi dê đặc biệt là chăn nuôi dê sữa, dê kiêm dụng thịt sữa

ở nước ta cho Trung tâm Nghiên cứu Dê và Thỏ- Viện Chăn Nuôi. Đây là đơn vị chịu trách nhiệm nghiên cứu toàn bộ các vấn đề về chăn nuôi dê và tổ chức chuyển giao kỹ thuật xây dựng ngành chăn nuôi dê ở Việt Nam. Từ đó đến nay ngành chăn nuôi dê đặc biệt là chăn nuôi dê sữa ở nước ta đã bắt đầu được khởi sắc. Chăn nuôi dê đã góp phần vào vào việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trong hệ thống nông trại bền vững ở gia đình đặc biệt là vùng trung du đồi núi và vùng núi cao, nơi mà các gia súc khác như bò sữa, lợn lai phát triển gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên đây là một ngành chăn nuôi rất mới mẻ ở nước ta, vì vậy để tạo cho nghề chăn nuôi dê phát triển một cách mạnh mẽ, tận dụng hết được tiềm năng sẵn có của con dê trong việc phát triển kinh tế nông nghiệp, những năm qua Nhà nước đã có sự quan tâm trong việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, trong nghiên cứu, trong việc xây dựng mô hình đặc biệt là việc đào tạo chuyển giao kỹ thuật thích hợp về chăn nuôi dê cho các cán bộ kỹ thuật cũng như cho người dân chăn nuôi con gia súc này. Qua việc nhập nội những giống dê chuyên dụng, cao sản trên thế giới vào nước ta: Năm 1994 nhập 3 giống dê sữa từ Ấn Độ (Beetal, Jumnapari, Barbari), năm 2002 nhập 2 giống chuyên sữa (Alpine, Saanen) và một giống siêu thịt (Boer) từ Mỹ, nhằm nuôi thuần và lai cải tạo với đàn dê địa phương để nâng cao năng suất của chúng. Kết quả nghiên cứu nhiều năm qua cho thấy, dùng dê đực giống Bách Thảo, Ấn Độ

lai với đàn dê cái Cỏ tạo con lai F1 đã nâng cao năng suất chăn nuôi dê lai lên từ 25-30%. Con lai F2 năng xuất tăng lên 40-55%.

Đến nay, đàn dê lai giữa các giống dê ngày càng phát triển ở nhiều nơi thành phong trào rộng khắp đã và đang đóng góp tích cực vào việc phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho người dân nhất là vùng nông thôn miền núi.

Biểu đồ : Số lượng và giá dê thịt hơi

từ năm 1991 đến 2004

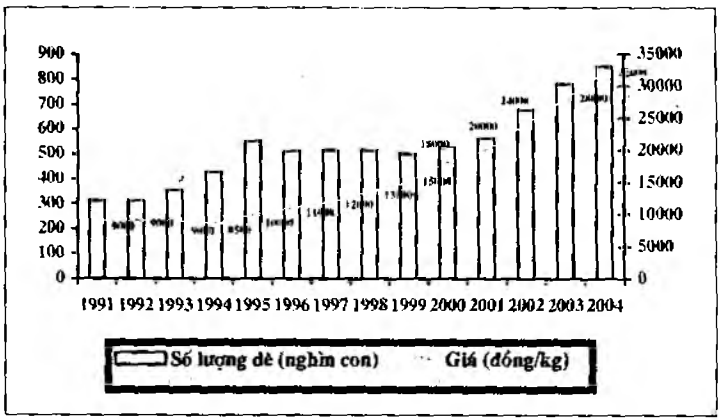

2- Vai trò và ý nghĩa kinh tế của chăn nuôi dê

Mahatma Gandi nhà lãnh tụ nổi tiếng ở Ấn Độ đã nói về vai trò của con dê là " Dê là con bò của nhà nghèo".